TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-PT
Ngày 15-12-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLPT-DS, ngày 03-11-2023, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: Bản án số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hà L; cư trú tại: Số 90, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị N; cư trú tại: Phố L, khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Triệu Quang H, Công ty Luật TNHH MTV G; địa chỉ: Số 268, đường H, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Hoàng A C; cư trú tại: Phố L, khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

2. Anh Lý Đình T; cư trú tại: Số 88, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Bùi Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hà L và bà Bùi Thị N có mối quan hệ khá thân thiết, hai bà đã từng mua chung đất và cho nhau vay mượn tiền nhiều lần. Bà Bùi Thị N đã vay tiền bà Nguyễn Thị Hà L 03 lần chưa trả, cụ thể:

Lần thứ nhất vào chiều ngày 12-5-2011, tại nhà riêng của bà L (trước đây là số 44, nay là số 90, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn), bà N có vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng để trả tiền đất và làm nhà; hai bên thỏa thuận thời hạn vay 15 ngày, vì là chỗ quen biết nên không tính lãi và vay trong thời gian ngắn. Có Giấy vay tiền đề ngày 12-5-2011 do bà N viết và ký vào sổ theo dõi cá nhân của bà L có nội dung "Tôi là Bùi Thị N số nhà 141 đường H có vay em L số tiền 200.000.000 đồng, hẹn trong mười năm ngày sẽ trả đầy đủ số tiền trên".

Lần thứ 2, trưa ngày 19-9-2011, tại cửa hàng bán giầy dép của bà L (địa chỉ số 03 M, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn), bà N vay bà L số tiền 100.000.000 đồng. Trước đó bà N đã hỏi vay tiền để làm nhà, bà L đồng ý và hẹn bà N đến cửa hàng của bà L để nhận tiền. Bà L cho vay tiền không lấy lãi vì là chỗ thân quen, bà N hẹn là Tòa án đang giải quyết việc phân chia tài sản trong gia đình và bà N có phần trong đó khoảng 01 tỷ đồng, khi nào được Tòa án giải quyết và có tiền thì sẽ trả tiền cho bà L trả cả khoản vay 200.000.000 trước đó. Bà L trực tiếp đưa tiền mặt 100.000.000 đồng cho bà N vay. Giấy vay tiền đề ngày 19-9-2011 do bà N tự viết và ký vào sổ theo dõi cá nhân của bà L có nội dung "Tôi là Bùi Thị N số nhà 141 đường H phường C TPL có vay em L số tiền 100.000.000 đồng".

Lần thứ 3: Vào cuối tháng 9-2011 bà N tiếp tục hỏi vay tiền bà L để hoàn thiện nhà, bà nói hiện bà không có tiền nhưng có bà D ở thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đang nợ tiền hàng và hẹn trả nên bà L bảo bà N cùng đi đến nhà bà D để nếu bà D trả tiền thì bà L cho bà N vay. Sáng ngày 26-9-2011, bà L cùng con rể mình là anh Lý Đình T và bà N cùng đi tắc xi lên nhà bà D ở gần chợ thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để đòi nợ (bà L nghe nói bà D đã chết khoảng năm 2015). Gần trưa ngày 26-9-2011 bà L, bà N và anh T đến nhà bà D, bà D đã trả bà L số tiền là 67.000.000 đồng. Khi lên xe tắc xi trở về, bà L đưa toàn bộ số tiền 67.000.000 đồng cho bà N vay, có lái xe và và anh Lý Đình T chứng kiến. Bà không nhớ lái xe tắc xi tên là gì, địa chỉ ở đâu vì trước đó không quen biết nhau. Thực tế bà L đã cho bà Bùi Thị N vay tiền mặt số tiền là 67.000.00 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi nhưng hai bên thống nhất quy đổi số tiền đó ra vàng 9999, bà Bùi Thị N tự tính số tiền đó quy ra vàng 9999 là 15 chỉ (1,5 cây) để tiền không mất giá, do các khoản vay trước bà đã cho vay không

lấy lãi và thực tế đã cho vay lâu hơn thời gian thỏa thuận. Thời điểm đó 01 chỉ vàng 9999 trị giá khoảng 4,5 triệu đồng. Sau khi về thì bà Bùi Thị N tự viết và ký giấy vay tiền đề ngày 26-9-2011 trên tờ giấy A4 đưa cho bà L. Giấy vay tiền có nội dung "Tên tôi là Bùi Thị N số nhà 141 đường H phường C, có vay của em L số nhà 44 đường B, H TPL một cây dưỡi vàng (15 chỉ) để xây nhà, tôi hẹn lúc nào L cần tôi mua trả đầy đủ với lượng vàng là một cây dưỡi (15 chỉ)". Khi vay tiền lần thứ 3, bà Bùi Thị N vẫn hứa hẹn thời hạn trả nợ là khi nào Tòa án giải quyết xong vụ tranh chấp và bà Bùi Thị N được chia tài sản thì sẽ trả tiền cho bà.

Khoảng cuối năm 2011 đầu năm 2012 bà L được biết vụ tranh chấp của gia đình bà Bùi Thị N đã được giải quyết xong và bà Bùi Thị N đã được chia tiền nên bà L tìm gặp bà Bùi Thị N đòi nợ thì bà Bùi Thị N bảo chưa có tiền trả, từ đó hai bên bắt đầu mâu thuẫn. Bà đã đòi nợ bà Bùi Thị N nhiều lần nhưng đến nay bà Bùi Thị N vẫn chưa trả cho bà được một đồng nào. Số tiền bà cho bà Bùi Thị N vay là tiền riêng của cá nhân bà do làm ăn tích góp mà có, không liên quan đến chồng bà là ông Vũ Văn H đã chết năm 2016.

Việc bà cho bà Bùi Thị N vay tiền đã lâu nhưng đến năm 2023 bà mới khởi kiện là vì thời gian trước bà Bùi Thị N hứa trả tiền cho bà khi Tòa án giải quyết xong việc phân chia tài sản trong gia đình bà Bùi Thị N nên bà tin tưởng cứ đợi, nhưng sau khi Tòa án giải quyết xong bà Bùi Thị N vẫn không trả tiền cho bà mà cứ hứa hẹn lần này đến lần khác. Có một thời gian dài bà phải phục vụ, chăm sóc chồng bà bị ung thư nên không có thời gian tìm bà Bùi Thị N đòi tiền. Cuối năm 2016, chồng bà chết. Sau đó, bà Bùi Thị N thay đổi chỗ ở nên bà không biết địa chỉ để đến đòi tiền. Bà dò hỏi mãi đến cuối năm 2017 mới biết địa chỉ của bà Bùi Thị N, bà đến đòi tiền vài lần bà Bùi Thị N vẫn không trả, sau đó có dịch bệnh Covid 19 nên đến nay bà mới khởi kiện. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị N phải trả cho bà tổng số tiền là 367.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi bẩy triệu đồng) theo các Giấy vay tiền ngày 12-5-2011, ngày 19-9-2011 và ngày 26-9-2011.

Bị đơn bà Bùi Thị N do ông Triệu Quang H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị Hà L có quan hệ quen biết nhau, bà N biết bà L có tiền cho vay. Năm 2011, bà Hà Thị V, địa chỉ: Số 02, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là người quen biết của bà N cần vay một khoản tiền để lo công việc nên đã đưa sổ đỏ của bà V cho bà N nhờ đi vay tiền hộ. Bà N hỏi vay tiền bà L, bà L đồng ý cho vay tiền nhưng nói là chỉ quen biết bà N không quen biết bà V nên chỉ đồng ý cho bà N vay tiền, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, bà N đồng ý và đưa sổ đỏ của bà V cho bà L giữ để làm tin nhưng hai bên không làm giấy tờ giao nhận sổ đỏ. Những lần bà N đến nhà bà L vay tiền đều chỉ đến một mình, còn bà V chờ bà N ở tỉnh Đoàn Lạng Sơn (chỗ ông Hoàng A C là chồng bà N làm việc) để nhận tiền.

Bà N thừa nhận chữ viết và chữ ký trên 03 giấy vay tiền gồm: Giấy vay tiền đề ngày 12-5-2011, ngày 19-9-2011 và ngày 26-9-2011 đều là chữ viết và chữ ký của bà N. Đối với giấy vay tiền lần thứ 3 đề ngày 26-9-2011, mặc dù trên giấy thể hiện bà Bùi Thị N vay 15 chỉ vàng với bà Nguyễn Thị Hà L nhưng thực

tế bà Bùi Thị N không vay vàng, mà vay tiền mặt 50.000.000 đồng, không phải 67.000.000 đồng như bà L trình bày. Sau những lần vay tiền bà L xong bà N đến tỉnh Đoàn Lạng Sơn để đưa tiền lại cho bà V vay. Khoảng 04 tháng sau, bà V thu xếp được tiền đã gọi bà đến nhà bà V ở trường Mầm non T, phường T, thành phố L để lấy tiền gốc và lãi của cả 3 lần vay để trả cho bà Nguyễn Thị Hà L. Sau khi nhận tiền gốc lãi với bà V xong bà N đã xé bỏ giấy tờ giao nhận tiền với bà V và gọi điện thoại hẹn bà L hết giờ làm việc chiều ngày hôm đó đến Tỉnh Đoàn Lạng Sơn để nhận tiền. Ngày hôm đó, hết giờ làm việc buổi chiều, bà L một mình đến Tỉnh Đoàn L và bà N đã thanh toán cho bà L đầy đủ số tiền gốc và lãi của 03 lần vay với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, với tổng số tiền cả gốc và lãi khoảng hơn 400.000.000 đồng, có ông Hoàng A C chứng kiến. Bà L nhận đủ tiền và trả lại sổ đỏ của bà V cho bà N. Việc bà N trả tiền gốc lãi đầy đủ cho bà L và bà L trả sổ đỏ của bà V cho bà N không làm giấy tờ vì tin tưởng bà L. Nay bà N không còn nợ bà L một đồng nào. Bà N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà N có yêu cầu phản tố, buộc bà L trả cho bà N tổng số tiền là 128.000.000 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; lãi đối với số tiền nợ gốc là 78.000.000 đồng, theo Giấy biên nhận đề ngày 02-8-2010.

- *Người làm chứng ông Hoàng A C trình bày:* Ông là chồng của bà Bùi Thị N, thời gian năm 2011, ông làm bảo vệ ở Tỉnh Đoàn Lạng Sơn. Thời gian đó ông được bà N cho biết bà N có đi vay tiền bà Nguyễn Thị Hà L hộ bà Hà Thị V. Do bà Vân có nhu cầu vay tiền nên đưa sổ đỏ nhờ bà N đi vay tiền hộ. Bà N đã đưa sổ đỏ của bà V cho bà L làm tin để vay tiền, sau khi vay được tiền thì đưa tiền cho bà V. Trước đó, ông không quen biết bà V và bà L. Ông không biết cụ thể việc bà N với bà V, bà N với bà L trao đổi thỏa thuận việc vay tiền gốc, lãi, thời hạn vay như thế nào, chỉ nhớ là bà V có đến Tỉnh Đoàn Lạng Sơn một vài lần để chờ nhận tiền từ bà N, còn cụ thể bà N đi vay tiền và đưa cho bà V vay như thế nào ông không rõ vì không để ý. Sau đó khoảng vài tháng ông được biết bà V đã trả đầy đủ tiền cho bà N. Ông thấy bà N đưa tiền trả cho bà L tại Tỉnh Đoàn Lạng Sơn, cụ thể trả vào ngày nào và trả bao nhiêu tiền ông không còn nhớ vì thời gian đã lâu nhưng ông nhớ được tận mắt chứng kiến việc bà N trả tiền cho bà L số tiền khoảng hơn 400.000.000 đồng cả gốc và lãi, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Ngay sau đó, ông thấy bà L đã trả sổ đỏ của bà V cho bà N, ông không thấy bà N và bà L viết hay ký nhận giấy tờ gì với nhau.

Người làm chứng anh Lý Đình T trình bày: Anh là con rể của bà Nguyễn Thị Hà L. Sáng ngày 26-9-2011, anh được cùng bà L và bà Bùi Thị N đi tắc xi lên nhà bà D ở gần thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để đòi tiền bà D còn nợ bà L là 67.000.000 đồng. Đòi được số tiền trên bà L đã đưa cho bà N vay khi đang trên xe tắc xi trở về như bà L trình bày.

Tòa án đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn giám định Giấy biên nhận đề ngày 02-8-2010, bản viết tay (chữ màu đen), có nội dung: *"Giấy biên nhận. Hôm nay ngày 2 tháng 8 năm 2010. Tôi: Nguyễn Hà L. Số nhà 44, đường B. Có vay anh chị N C 50.000.000 (năm mươi triệu đồng). Lúc nào cần*

báo trước 5 ngày. Nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật. Ngày 2-8-2010. Người vay L" và chữ ký mang tên *"L"* là chữ viết, chữ ký trực tiếp hay sao chụp.

Tại Kết luận giám định số 841/KL-KTHS ngày 10-8-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn đã kết luận: *"Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ phần chữ viết, chữ ký bằng mực màu xanh mang tên Triệu Quang H tại góc phía dưới bên trái) là chữ viết, chữ ký sao chụp".*

Tại Bản án sơ thẩm số 21/2023/ST-DS ngày 23-8- 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà L.

Buộc bị đơn bà Bùi Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hà L tổng số tiền là 367.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi bẩy triệu đồng) theo các Giấy vay tiền đề ngày 12-5-2011, ngày 19-9-2011 và ngày 26-9-2011.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị N về việc yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà L phải trả cho bà Bùi Thị N tổng số tiền là 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng), bao gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); nợ lãi là 78.000.000 đồng (bẩy mươi tám triệu đồng) theo Giấy vay tiền đề ngày 02-8-2010.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng (giám định) là 2.100.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hà L đã nộp tạm ứng.

Bà Nguyễn Thị Hà L không phải chịu chi phí tố tụng.

Bà Bùi Thị N phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn đồng) và có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà Nguyễn Thị Hà L.

4. Về lãi suất khi chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa về án phí, về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định bị đơn bà Bùi Thị N kháng cáo Bản án số: 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà L; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Bùi Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời đề nghị tạm ngừng phiên toà, triệu tập người làm chứng Hà Thị V để đối chất với bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị Hà L.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Hà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Bùi Thị N hoàn trả cho bà tổng số tiền là 367.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Đối với kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà L. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, thấy rằng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà L và bị đơn bà Bùi Thị N có mối quan hệ thân quen, cho nhau vay mượn tiền nhiều lần. Bà L cho rằng cho bà N vay tiền không tính lãi, tổng số tiền nợ 367.000.000 đồng, hiện vẫn giữ các giấy vay tiền gốc do bà N chưa trả.

Bà N thừa nhận được vay tiền của bà L 3 lần vào các ngày 12-5-2011 số tiền 200.000.000đ, ngày 19-9-2011 số tiền 100.000.000đ và ngày 26-9-2011 số tiền 50.000.000đ quy ra 15 chỉ vàng 9999 (1,5 cây) với lãi suất 3.000đ/ 1 triệu đồng/ 01 ngày. Các giấy biên nhận đều do bà N viết và ký tên. Tại lần vay tiền thứ 3 ngày 26-9-2011, bà N cho rằng chỉ được vay 50.000.000đ, không phải 67.000.000đ như bà L trình bày và được quy ra 15 chỉ vàng 9999 (1,5 cây vàng). Tuy nhiên xác minh giá vàng thời điểm ngày 26-9-2011 giao động khoảng 44 triệu/01 lượng, số tiền 50.000.000đ là không phù hợp với giá trị 15 chỉ vàng. Bà N cho rằng đã trả tiền cả gốc và lãi cho bà L khoảng hơn 400.000.000đ tại cơ quan Tỉnh đoàn nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Việc bà cho rằng do tin tưởng nên giao nhận tiền khi trả với bà L không làm giấy tờ gì, có ông C là người làm chứng việc trả tiền (tuy nhiên ông C là chồng bà N nên đánh giá việc làm chứng là không khách quan). Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc bị đơn bà N phải trả nguyên đơn tổng số tiền 367.000.000đ là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Bị đơn Bùi Thị N yêu cầu nguyên đơn trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ + tiền lãi 78.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 02-8-2010. Nguyên đơn Nguyễn Thị Hà L cho rằng đã thanh toán tiền vay và nhận lại bản gốc giấy vay tiền. Bà N cho rằng khoản vay này nguyên đơn chưa trả. Tuy nhiên căn cứ Kết luận giám định, xác định chữ ký, chữ viết trên giấy biên nhận là sao chụp (không phải bản gốc). Do đó, lời trình bày của bà L

là có căn cứ. Ngoài ra bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N.

Từ những đánh giá trên, thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 367.000.000đ; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 128.000.000đ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Bùi Thị N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà L về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 367.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đều thừa nhận chữ viết và chữ ký trên 03 giấy vay tiền gồm: Giấy vay tiền đề ngày 12-5-2011, ngày 19-9-2011 và ngày 26-9-2011 đều là chữ viết và chữ ký của bị đơn. Bị đơn cho rằng bà vay tiền hộ bà Hà Thị V. Những lần bị đơn đến nhà nguyên đơn vay tiền đều chỉ đến một mình, bị đơn cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn đầy đủ số tiền gốc và lãi của 03 lần vay với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, với tổng số tiền cả gốc và lãi khoảng hơn 400.000.000 đồng, có ông Hoàng A C chồng bị đơn chứng kiến, nguyên đơn nhận đủ tiền và trả lại sổ đỏ của bà Hà Thị V cho bị đơn do bị đơn tin tưởng nguyên đơn nên không làm giấy tờ giao nhận tiền, nay bị đơn không còn nợ nguyên đơn một đồng nào nữa. Đây chỉ là lời khai từ phía bị đơn, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[2] Đối với kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc bà Nguyễn Thị Hà L phải trả bị đơn tổng số tiền 128.000.000 đồng, bao gồm nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi là 78.000.000 đồng. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Hà L thừa nhận có vay bà Bùi Thị N 50.000.000 đồng theo Giấy biên nhận đề ngày 02-8-2010 nhưng sau đó đã trả tiền đầy đủ cho bị đơn và đã lấy lại bản gốc Giấy biên nhận đề ngày 02-8-2010 về nhưng nay đã bị thất lạc. Nguyên đơn cho rằng Giấy biên nhận đề ngày 02-8-2010 mà bị đơn giao nộp không phải là bản gốc mà là bản phô tô, không có giá trị pháp lý.

[3] Tại Kết luận giám định số 841/KL-KTHS ngày 10-8-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn đã kết luận: "Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ phần chữ viết, chữ ký bằng mực màu xanh mang tên Triệu Quang H tại góc phía dưới bên trái) là chữ viết, chữ ký sao chụp". Như vậy, có căn cứ khẳng định Giấy biên nhận đề ngày 02-8-2010 do bị đơn cung cấp không phải là bản gốc, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[4] Đối với đề nghị tạm ngừng phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, triệu tập người làm chứng Hà Thị V để đối chất với bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị Hà L. Xét thấy, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà Hà Thị V đã có lời khai trình bày, bà V đã khai không có quan hệ quen biết gì với bà Nguyễn Thị Hà L; không biết gì về việc vay mượn tiền, đã trả tiền cho nhau hay chưa giữa bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị Hà L; bà V đề nghị không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Do đã có lời khai của bà Hà Thị V như trên nên đề nghị tạm ngừng phiên toà của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng (giám định): Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà L đã nộp tạm ứng số tiền 2.100.000 đồng tiền chi phí giám định. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, do đó bị đơn bà Bùi Thị N phải chịu chi phí giám định số tiền là 2.100.000 đồng và có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà Nguyễn Thị Hà L là đúng quy định theo Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích đánh giá trên có đủ căn cứ xác định cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí dân sự cho bị đơn bà Bùi Thị N vì bị đơn là người cao tuổi là đúng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Bùi Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Bùi Thị N

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND Tp Lạng Sơn;
- CCTHADS Tp Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Đức Chính

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

Lộc Sơn Thái

Cao Đức Chiến

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Đức Chính